TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ BỒNG** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 36/2021/QĐST-HNGĐ	*Trà Bồng, ngày 04 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Bích Th**, sinh năm 1995;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh **Huỳnh Tiến V** , sinh năm 1992;

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 4, thôn 3, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Bích Th và anh Huỳnh Tiến V .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Bích Th và anh Huỳnh Tiến V tự nguyện thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Chí Kiên, sinh ngày 20/8/2019. Hiện nay cháu Kiên đang ở với chị Th nên anh V đồng ý giao cháu Kiên cho chị Th chăm sóc, giáo dục, anh V nhận cấp dưỡng nuôi cháu Kiên

mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8 năm 2021. Chị Th đồng ý nhận nuôi con chung và thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con của anh V .

* *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

* *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

+ Án phí về yêu cầu ly hôn 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chị Th và anh V mỗi người nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Án phí về cấp dưỡng nuôi con 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) anh V nộp.

Tuy nhiên chị Th tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000đ mà chị đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004255 ngày 26/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Bồng, chị Th đã nộp đủ.

* *Các vấn đề khác*: Sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom chăm sóc giáo dục nuôi con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Hai bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 5, 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*";

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự: "Để thi hành";
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Diễn